ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1700/QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 12 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất ván nhân tạo, công suất 400.000 m^3/năm, tương đương 33.330.000 m^2/năm (trong đó sản xuất Formaline 50% và keo Ure Formaldehyde hàm lượng rắn 60% để phục vụ sản xuất ván nhân tạo với công suất lần lượt là 15.029 tấn/năm và 30.546 tấn/năm)" do Công ty CP FSC Việt Nam làm Chủ đầu tư tại KCN Nam Đồng Phú, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ Chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường;

Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

Căn cứ Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 79/TTr-BQL ngày 11/7/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất ván nhân tạo, công suất 400.000 m^3/năm, tương đương 33.330.000 m^2/năm (trong đó sản xuất Formaline 50% và keo Ure Formaldehyde hàm lượng rắn 60% để phục vụ sản xuất ván nhân tạo với công suất lần lượt là 15.029 tấn/năm và 30.546 tấn/năm)" (sau đây gọi là dự án) được lập bởi Công ty CP FSC Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) tại lô C1-C14 & B4-B6, KCN Nam Đồng Phú, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Sản xuất ván nhân tạo, công suất 400.000 m^3/năm, tương đương 33.330.000 m^2/năm. Trong đó sản xuất Formaline 50% và keo Ure Formaldehyde hàm lượng rắn 60% để phục vụ sản xuất ván nhân tạo với công suất lần lượt là 15.029 tấn/năm và 30.546 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải thực hiện đúng các nội dung đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đảm bảo đáp ứng các Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về môi trường. Cụ thể như sau:

a) Nước thải sinh hoạt, sản xuất phát sinh từ dự án sau khi xử lý sơ bộ tại nhà máy đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B phải được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nam Đồng Phú để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn xả thải theo quy định. Nước mưa qua bãi gỗ phải xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (k_f = 1,0, k_q = 0,9) và lắp đặt thiết bị quan trắc tự động theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 17 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hệ thống thoát nước thải phải được tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.

b) Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường về chiếu sáng, tiếng ồn, vi khí hậu, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo đạt QCVN 22:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 19:2009/BTNMT cột B, QCVN 20:2009/BTNMT; đảm bảo môi trường không khí trong khu vực sản xuất đạt các nội dung quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

c) Thực hiện hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

Thu gom, lưu trữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

Trường hợp Chủ dự án sử dụng các chất thải công nghiệp thông thường làm nguyên liệu đốt cho nhà máy năng lượng thì phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và QCVN 30:2010/BTNMT – Quy chuẩn quốc gia về khí thải lò đốt chất thải công nghiệp.

d) Đảm bảo diện tích cây xanh trong khu vực Dự án đạt ít nhất 20% tổng diện tích Dự án.

e) Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa và khắc phục các sự cố do cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác.

3. Các yêu cầu khác:

a) Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của công đoạn gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đồng Phú để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

b) Định kỳ thực hiện chương trình giám sát môi trường theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ Chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường, gửi báo cáo quan trắc về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước. Đồng thời, thông báo kết quả quan trắc cho chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp theo quy định tại Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp Chủ dự án sử dụng các chất thải công nghiệp thông thường làm nguyên liệu đốt cho nhà máy năng lượng để cấp khí nóng cho lò sấy sợi thì khí thải từ lò sấy sợi phải được giám sát và so sánh thêm với quy định tại QCVN 30:2010/BTNMT – Quy chuẩn quốc gia về khí thải lò đốt chất thải công nghiệp.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án theo quy định.

Điều 4. Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này; tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

Điều 5. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các các sở, ban, ngành: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú; Giám đốc Công ty CP FSC Việt Nam và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT (58-QĐ-NN).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2697/QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 19 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

V/v chấp thuận cho Công ty Cổ phần FSC Việt Nam được thay đổi một số nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: "Xây dựng nhà máy sản xuất ván nhân tạo, công suất 400.000 m^3/năm, tương đương 33.330.000 m^2/năm (trong đó sản xuất formaline 50% và keo ure formaldehyde hàm lượng rắn 60% để phục vụ sản xuất ván nhân tạo với công suất lần lượt là 15.029 tấn/năm và 30.546 tấn/năm)" tại lô C1-C14 & B4-B6, KCN Nam Đồng Phú, huyện Đồng Phú

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty CP FSC Việt Nam tại Công văn số 12/2019/CV-FSC ngày 09/10/2019 và Công văn số 132019/CV-FSC ngày 18/11/2019;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 134/TTr-BQL ngày 17/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho Công ty CP FSC Việt Nam được thay đổi một số nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: "Xây dựng nhà máy sản xuất ván nhân tạo, công suất 400.000 m^3/năm, tương đương 33.330.000 m^2/năm (trong đó sản xuất formaline 50% và keo ure formaldehyde hàm lượng rắn 60% để phục vụ sản xuất ván nhân tạo với công suất lần lượt là 15.029 tấn/năm và 30.546 tấn/năm)" đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 12/7/2017. Cụ thể các nội dung sau khi thay đổi như sau:

1.1. Diện tích của bãi chứa gỗ nguyên liệu: 36.875 m^2.

1.2. Nhu cầu sử dụng nước: 955,1 m^3/ngày.đêm (trong đó nước cấp cho sinh hoạt là 17,5 m^3/ngày.đêm; nước cấp cho sản xuất là 896,4 m^3/ngày.đêm; nước tưới cây xanh 41,2 m^3/ngày.đêm).

1.3. Đối với nước mưa từ bãi chứa gỗ nguyên liệu:

Lưu lượng nước mưa phát sinh từ bãi chứa gỗ nguyên liệu là 696 m^3/ngày.đêm. Toàn bộ lượng nước mưa này được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNT, cột A (k_q = 0,9; k_f= 1) rồi qua hệ thống lọc RO để tái sử dụng, cụ thể:

- Hệ thống xử lý nước mưa từ bãi chứa gỗ nguyên liệu, công suất 1.300 m^3/ngày.đêm với quy trình bao gồm các hạng mục chính:

Nước mưa từ bãi chứa gỗ nguyên liệu - Bể tách rác, lắng sơ bộ - Bể chứa nước đầu vào - Bể thiếu khí - Bể hiếu khí - Bể lắng sinh học - Bể phản ứng hoá lý - Bể keo tụ - Bể tạo bông - Bể lắng hoá lý - Bể khử trùng.

Nước mưa sau bể khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (k_q = 0,9; k_f = 1).

- Hệ thống lọc RO với công suất 700 m^3/ngày.đêm với quy trình bao gồm các hạng mục chính:

Nước mưa từ bể khử trùng - Bồn lọc cát - Bồn chứa nước - Bồn lọc tinh - Hệ thống lọc RO - Bồn chứa nước sau lọc RO.

Nước sau lọc RO được tái sử dụng hoàn toàn phục vụ cho quá trình sản xuất, không xả ra ngoài môi trường. Nước thải phát sinh từ Hệ thống lọc RO được dẫn vào bể chứa nước mưa đầu vào của Hệ thống xử lý nước mưa để xử lý.

1.4. Đối với các nội dung trong phần Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh:

Chấp thuận thay đổi một số nội dung cho phù hợp với Quyết định này, cụ thể: Hủy bỏ Điểm 2.1, Mục 2; điều chỉnh diện tích của bãi chứa gỗ nguyên liệu (số thứ tự II, Điểm B, Mục 3) từ 61.727,073 thành 36.875 m^2; điều chỉnh diện tích đất dự phòng (Điểm E, Mục 3) từ 0 m^2 thành 24.852,073 m^2.

Điều 2. Công ty CP FSC Việt Nam phải thực hiện những nội dung, cụ thể như sau:

- Tự chịu trách nhiệm đối với các nội dung thay đổi nói trên so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và phải đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

- Chỉ được phép đưa Dự án đi vào hoạt động chính thức sau khi được Ban Quản lý Khu kinh tế cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

- Thực hiện các nội dung khác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này của Chủ tịch UBND tỉnh đi kèm với Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: "Xây dựng nhà máy sản xuất ván nhân tạo, công suất 400.000 m^3/năm, tương đương 33.330.000 m^2/năm (trong đó sản xuất formaline 50% và keo ure formaldehyde hàm lượng rắn 60% để phục vụ sản xuất ván nhân tạo với công suất lần lượt là 15.029 tấn/năm và 30.546 tấn/năm)" đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 và Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 28/3/2019, là cơ sở để các ngành chức năng thanh tra, kiểm tra việc bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Người đại diện theo pháp luật của Công ty CP FSC Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 4;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Đồng Phú;
- Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT(BH-3-QĐTĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

1.1. Tên dự án

"XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN NHÂN TẠO, CÔNG SUẤT 400.000 M^3/NĂM, TƯƠNG ĐƯƠNG 33.330.000 M^2/NĂM (TRONG ĐÓ SẢN XUẤT FORMALINE 50% VÀ KEO URE FORMAL DEHYD HÀM LƯỢNG RẮN 60% ĐỂ PHỤC VỤ SẢN XUẤT VÁN NHÂN TẠO VỚI CÔNG SUẤT LẦN LƯỢT LÀ 15.029 TẤN/NĂM VÀ 30.546 TẤN/NĂM"

Địa điểm thực hiện: Lô C1 – C14 & B4 – B6, đường số 1, KCN Nam Đồng Phú, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.2. Chủ dự án

- Chủ đầu tư: **CÔNG TY CỔ PHẦN FSC VIỆT NAM**
- Địa chỉ: Lô C1 – C14 & B4 – B6, đường số 1, KCN Nam Đồng Phú, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Loại hình Doanh nghiệp: Công ty Cổ phần
- Ngành, nghề kinh doanh: Sản xuất ván nhân tạo.

1.3. Vị trí địa lý của dự án

Dự án đầu tư "Xây dựng nhà máy sản xuất ván nhân tạo, công suất 400.000 m^3/năm, tương đương 33.330.000 m^2/năm (Trong đó sản xuất Formaline 50% và keo ure formal dehyd hàm lượng rắn 60% để phục vụ sản xuất ván nhân tạo với công suất lần lượt là 15.029 tấn/năm và 30.546 tấn/năm" tại Lô C1 – C14 & B4 – B6, đường số 1, KCN Nam Đồng Phú, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 953137 được Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 13 tháng 10 năm 2016 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 953136 được Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 13 tháng 10 năm 2016; biên bản ghi nhớ số 03/2016/HĐ – NĐP được ký kết vào ngày 12/07/2016 giữa Công ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú và Công ty Cổ Phần FSC Việt Nam.

Khu đất với các vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp rừng cao su nhà dân;
- Phía Tây giáp đường nội bộ số 2 của Khu công nghiệp;
- Phía Nam giáp đường nội bộ số 1 của Khu công nghiệp;
- Phía Bắc giáp đường nội bộ số 3 của Khu công nghiệp và rừng cao su nhà dân.

❖ **Các đối tượng tự nhiên xung quanh khu vực dự án:**

Giao thông:

- KCN Nam Đồng Phú nằm tại xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Phía Đông giáp đất trồng điều, cây ăn trái và cao su, phía Tây giáp với đường ĐT741 và khu dân cư dọc theo đường ĐT741, phía Nam giáp với đường đất đỏ là ranh giới giữa 2 tỉnh Bình Dương và Bình Phước, phía Bắc giáp với đất trồng cao su và cây ăn trái.

- Cách thành phố Hồ Chí Minh 80 km về phía Nam, là cửa ngõ của Bình Phước đi về các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh và cách thị xã Đồng Xoài khoảng 21Km. Với địa thế như trên, KCN rất thuận lợi về vận chuyển lưu thông hàng hóa khi đầu tư vào KCN.

- Địa hình: Tương đối bằng phẳng, phù hợp với việc xây dựng công trình xây dựng.

Hệ thống sông suối, ao hồ:

Khu vực dự án có Suối Chư cách Dự án khoảng 1,5 km về phía Tây. Suối Chư hiện là nguồn tiếp nhận của KCN Nam Đồng Phú.

Khu bảo tồn: Trong vòng bán kính 2 km xung quanh khu vực Dự án không có khu bảo tồn nào.

❖ **Các đối tượng kinh tế - xã hội xung quanh khu vực Dự án:**

Dự án nằm trong KCN Nam Đồng Phú, là nơi khu quy hoạch tập trung các nhà máy sản xuất công nghiệp. Khu đất Dự án phù hợp ngành nghề được quy hoạch chi tiết.

Cơ sở hạ tầng công nghiệp đang hoàn thiện và thu hút đầu tư. Hiện tại, Dự án là nhà máy đầu tiên đầu tư vào KCN. Khu vực tiếp giáp với Dự án là đất trống và rừng cao su nhà dân.

Xung quanh khu vực Dự án không có công trình cảnh quan, kiến trúc, di tích lịch sử, khu bảo tồn nào.

1.4. Nội dung chủ yếu của dự án

1.4.1. Mục tiêu của dự án

Mục tiêu của Dự án đầu tư "Xây dựng nhà máy sản xuất ván nhân tạo, công suất 400.000 m^3/năm, tương đương 33.330.000 m^2/năm (Trong đó sản xuất Formaline 50% và keo ure formal dehyd hàm lượng rắn 60% để phục vụ sản xuất ván nhân tạo với công suất lần lượt là 15.029 tấn/năm và 30.546 tấn/năm" của Công ty Cổ Phần FSC Việt Nam nhằm cung cấp các mặt hàng ván nhân tạo cho thị trường trong nước và xuất khẩu, góp phần bình ổn nhu cầu sản phẩm trên thị trường.

Dự án sẽ mang lại một số lợi ích như sau:

- Góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương và chuỗi hoạt động lâm nghiệp;
- Góp phần tăng GDP của huyện Đồng Phú nói riêng và tỉnh Bình Phước nói chung;
- Góp phần bình ổn nhu cầu sản phẩm trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

1.4.2. Quy trình công nghệ

Trong hoạt động sản xuất ván nhân tạo của Nhà máy có 3 quy trình sản xuất bao gồm:

- Quy trình sản xuất ván nhân tạo.
- Quy trình sản xuất Formaline: Formaline thành phẩm được sử dụng làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất keo Ureformaldehyd
- Quy trình sản xuất keo Ureformaldehyd: Keo Ureformaldehyd được sử dụng làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất ván nhân tạo.

Quy trình sản xuất Formaline, keo UF và ván nhân tạo là quy trình công nghệ hiện đại. Dây chuyền máy móc được thiết kế bởi các chuyên gia Thụy Điển, Đức, Áo. Một số bồn chứa và các thiết bị phụ trợ được gia công tại Trung Quốc, Việt Nam. Thiết bị công nghệ của dự án được nhập khẩu cùng nhà sản xuất với dự án Nhà máy sản xuất ván nhân tạo của Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha (KCN Minh Hưng III). Thiết bị công nghệ của dự án được sản xuất sau dự án Nhà máy sản xuất ván nhân tạo của Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha khoảng 3 năm nên được cập nhật công nghệ tiên tiến và hiện đại hơn.

Chi tiết từng quy trình sản suất như sau:

1.4.2.1. Quy trình sản xuất ván nhân tạo

Quy trình công nghệ sản xuất ván nhân tạo của Công ty được trình bày trong hình.

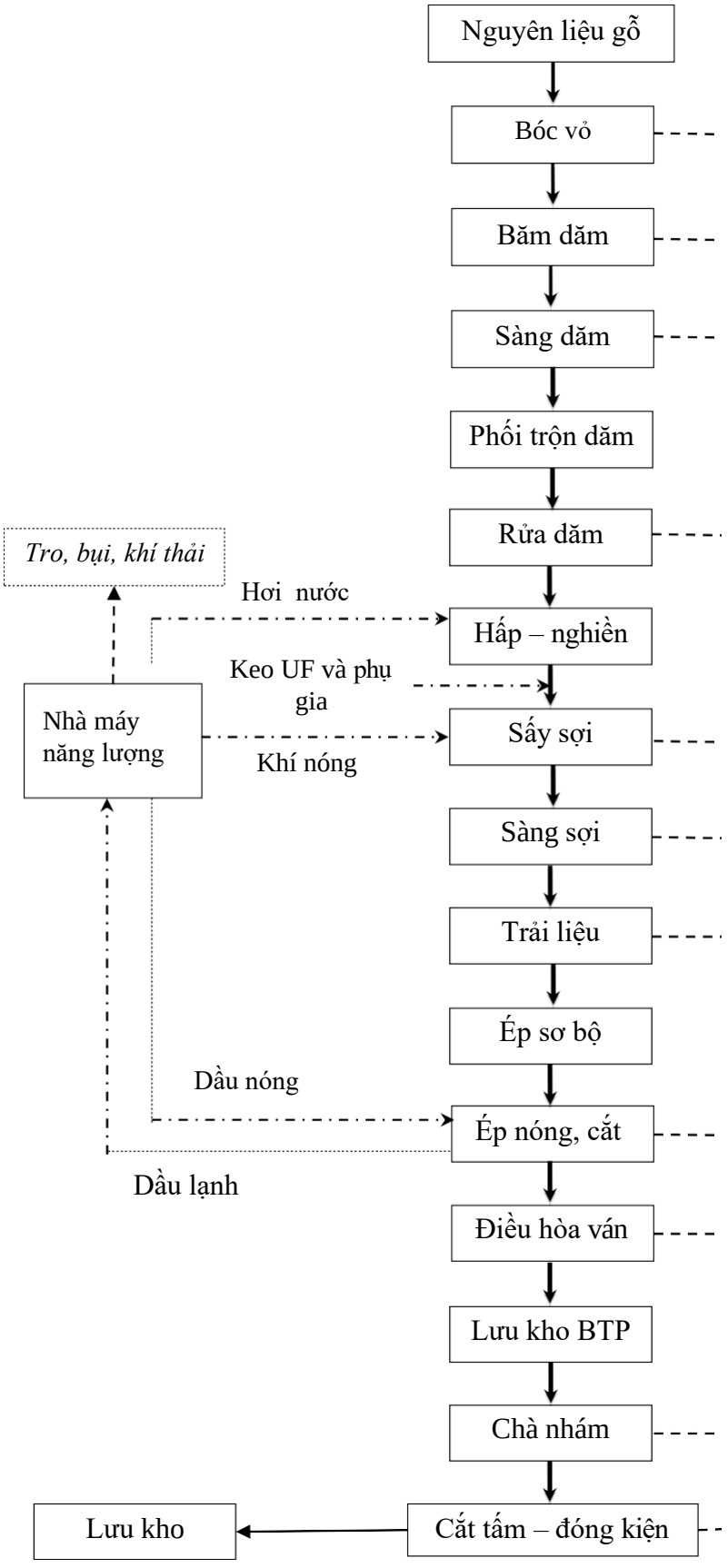

Hình 1.5. Quy trình công nghệ sản xuất ván nhân tạo

1.5. Các hạng mục công trình chính

Nhà xưởng MDF, kho bán thành phẩm MDF, kho thành phẩm, kho bán thành phẩm và kho ure, nhà văn phòng, các nhà kho và các nhà xưởng, nhà bảo vệ, nhà xe, nhà ăn, nhà vệ sinh, bãi chứa củi, nhà chứa rác, hệ thống xử lý chất thải tập trung, hệ thống xử lý nước mưa bãi củi, hồ chứa nước mưa bãi củi, đường giao thông nội bộ, cây xanh và đất dự phòng

1.6. Đánh giá, dự báo tác động

1.6.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn chuẩn bị của dự án

Dự án nằm trong Khu công nghiệp Nam Đồng Phú đã được giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Khu đất dự án là đất trống, chủ đầu tư tiến hành xây dựng nên giai đoạn chuẩn bị dự án không gây ra tác động môi trường.

1.6.2. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

1.6.2.1. Đánh giá tác động

(1) Tác động do bụi, khí thải

a. Bụi từ quá trình san nền

Quá trình thi công san nền tại chỗ sẽ phát sinh một lượng bụi nhất định làm ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh khu vực. Quá trình san nền là quá trình san nền cục bộ trong khu vực dự án. Chiều cao san gạt trung bình khoảng 0,5m. Khối lượng đất đào gần bằng khối lượng san nền là 98.348 m^3 tương đương với 137.687 tấn.

Theo mô hình GEMIS V.4.2 của Cục Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ, hệ số ô nhiễm bụi (E) khuếch tán từ quá trình san nền có thể dự báo như sau:

$$E = 0{,}16 \times k \times \frac{(U/2{,}2)^{1,3}}{(M/2)^{1,}}$$

Trong đó:

E = Hệ số ô nhiễm (kg/tấn);

k = Cấu trúc hạt có giá trị trung bình, chọn k = 0,5;

U = Tốc độ gió trung bình tại khu vực dự án (m/s) tốc độ gió là 1,4 –2,2 m/s, chọn U = 2,2 m/s;

M = Độ ẩm trung bình của vật liệu san nền là 25%;

Tính được hệ số ô nhiễm E = 0,0023 kg/tấn.

b. Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ thi công dự án

Trong quá trình thi công xây dựng của dự án có sự tham gia chủ yếu của các phương tiện giao thông vận chuyển thiết bị, máy móc công nghệ và hoạt động của các thiết bị máy móc thi công xây dựng, gây ô nhiễm không khí.

Chủ đầu tư tiến hành đào đất tạo hố móng và san nền cục bộ khi triển khai thi công dự án. Dự án không sử dụng vật liệu san nền mang từ bên ngoài. Dự án không có quá trình giải phóng mặt bằng cũng như cưa hạ cây trong khu vực dự án nên không sinh ra thực bì thải cần thu gom. Do đó, dự án chỉ vận chuyển vật liệu xây dựng và máy móc thiết bị, không vận chuyển vật liệu san nền và thực bì.

Hoạt động của các loại phương tiện vận chuyển có sử dụng các loại nhiên liệu đốt cháy (xăng, dầu DO,…) làm phát sinh khí thải ô nhiễm, ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân thi công và môi trường không khí xung quanh.

(2) Tác động do nước thải

a. Nước mưa chảy tràn

Vào những ngày có mưa, nước mưa khi rơi xuống mặt bằng dự án làm cuốn theo các chất bẩn, đất, cát, cành lá khô và các tạp chất rơi vãi trên mặt đất trong khu vực dự án xuống lưu vực xung quanh dự án. Để tính toán lượng nước chảy qua mặt bằng dự án.

b. Nước thải sinh hoạt

Nguồn phát sinh nước thải trong giai đoạn xây dựng chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của công nhân. Ước tính số lượng công nhân ở thời điểm cao nhất tập trung tại công trường là 250 người, nước thải sinh hoạt chứa các thành phần gây ô nhiễm môi trường nước như: các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng (N, P) và các loại vi sinh.

(3) Tác động do chất thải rắn và chất thải nguy hại

a. Chất thải sinh hoạt

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình là 0,8 kg/người/ngày (theo QCVN 01:2008/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng) bao gồm các loại chất khác nhau như rau, vỏ hoa quả, xương, phân rác, giấy, vỏ đồ hộp,… Với số lượng công nhân trong giai đoạn này khoảng 250 người thì lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 200 kg/ngày.

b. Chất thải rắn xây dựng

Chất thải rắn xây dựng trong giai đoạn này chủ yếu là các loại nguyên vật liệu xây dựng, phế thải rơi vãi trong quá trình xây dựng, cốp pha hư hỏng, sắt thép vụn, đất đá, xà bần, bao bì xi măng,…. Chất thải rắn xây dựng có thành phần ít phân hủy trong môi trường tự nhiên, đa số có tận thu phế liệu, vật liệu san nền. Khối lượng chất thải xây dựng phát sinh trong toàn bộ quá trình xây dựng ước tính khoảng 25 - 30 tấn. Chủ đầu tư sẽ có biện pháp giảm thiểu tác động của chất thải rắn xây dựng, được trình bày trong chương 4.

c. Chất thải nguy hại

Trong quá trình xây dựng phát sinh chất thải rắn nguy hại bao gồm giẻ lau dính sơn, thùng chứa sơn, thùng chứa phụ gia.

Tuy nhiên, số lượng chất thải rắn này phát sinh không nhiều, không thường xuyên. Lượng rác này sẽ được thu gom theo quy định thu gom chất thải nguy hại.

(4) Tác động không liên quan đến chất thải

a. Sự tập trung đông công nhân xây dựng

Sự tập trung đông công nhân xây dựng có thể là mầm mống tiêu cực sau:

- Gây mất an ninh trật tự;
- Gây ra các tệ nạn xã hội;
- Mâu thuẫn giữa công nhân xây dựng và người dân địa phương.

Số lượng công nhân thi công xây dựng tối đa chỉ khoảng 250 người. Công nhân xây dựng là các thợ lành nghề được tuyển chọn và đào tạo bởi nhà thầu nên khả năng xảy ra các tiêu cực như trên là rất thấp. Tuy nhiên, công ty sẽ quan tâm, theo dõi và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến mức tối đa, như trình bày trong chương 4.

b. Tiếng ồn từ hoạt động máy móc, phương tiện thi công

Trong thời gian thi công xây dựng, các hoạt động thi công gây ra tiếng ồn bao gồm: hoạt động đào đắp đất, việc vận hành các thiết bị thi công như cần trục, cần cẩu, khoan, xe trộn bê tông, xe lu, xe ủi, máy kéo, máy cạp đất. Khi có nhiều nguồn ồn phát ra cùng lúc, tại bất kỳ điểm nào trên khu vực dự án, đều chịu tác động tổng hợp của các nguồn ồn mang lại.

1.6.3. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn vận hành của Dự án

1.6.3.1. Các nguồn gây tác động

Các nguồn gây tác động môi trường trong giai đoạn vận hành của Dự án bao gồm:

- ***Nguồn tác động liên quan đến chất thải:***
  - Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy;
  - Bụi từ quá trình sản xuất;
  - Khí thải từ quá trình sấy sợi;
  - Bụi và khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu của nhà máy năng lượng;
  - Bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng;
  - Khí thải từ quá trình ép nóng;
  - Khí thải từ quá trình sản xuất Formaldehyde và keo Ureformaldehyde;
  - Hơi dung môi từ quá trình sản xuất
  - Nước thải sản xuất;
  - Nước thải sinh hoạt;

- Nước mưa chảy tràn;
- Chất thải rắn sinh hoạt;
- Chất thải rắn sản xuất;
- Chất thải nguy hại.

➢ ***Nguồn tác động không liên quan đến chất thải***

- Sự tập trung đông công nhân nhà máy;
- Nhiệt thừa trong khu vực sản xuất;
- Tiếng ồn từ quá trình sản xuất.

1.6.3.2. Đánh giá tác động

(1) Tác động do bụi và khí thải

a. Khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào Nhà máy:

Trong quá trình hoạt động của Nhà máy, các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm,… ra vào khu vực Nhà máy sẽ phát sinh lượng khí thải phát tán vào môi trường xung quanh. Xe vận chuyển ra vào nhà máy có tải trọng trung bình là 20 tấn.

b. Bụi từ quá trình sản xuất

Đối với ngành sản xuất và chế biến các sản phẩm gỗ, hầu hết các công đoạn xử lý gỗ tại các phân xưởng sản xuất đều sinh ra bụi. Tuy nhiên, lượng bụi sinh ra còn tùy thuộc nhiều vào đặc tính của nguyên liệu đầu vào (gỗ tươi hay gỗ khô), mức độ hoạt động của các công đoạn gia công và cấu tạo máy móc thiết bị. Do nguyên liệu phục vụ cho hoạt động của dự án là sử dụng gỗ tươi, công đoạn cắt, băm, đều thực hiện trong máy, cấu tạo kín, dăm gỗ đi trong các băng chuyền sản xuất có độ ẩm cao nên hạn chế khả năng phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

c. Khí thải từ đốt nhiên liệu cấp của nhà máy năng lượng

Nhiên liệu đốt cấp cho nhà máy năng lượng bao gồm các thành phần chất thải rắn loại từ hầu hết các công đoạn sản xuất như bóc vỏ, xử lý bụi từ quá trình sản xuất, sàng phân loại, xử lý khí thải từ quá trình ép nóng, ván hỏng,… Quá trình đốt các nhiên liệu này sẽ làm phát sinh khí thải chứa bụi và các khí cháy như CO, SO_2, NO_2.

Công nghệ đốt của nhà máy năng lượng là công nghệ đốt tiên tiến, trong đó, nhiên liệu được cấp vào có kích thước nhỏ được phun vào buồng đốt. Buồng đốt của nhà máy năng lượng là buồng kín, giúp giữ nhiệt cho buồng đốt; đồng thời hệ thống cấp oxy tự động, có khả năng điều chỉnh khá chính xác lượng khí Oxy dư nên quá trình đốt được diễn ra hoàn toàn, giảm thiểu tối đa lượng CO trong khí thải. Các quá trình cấp liệu, đốt, cấp nhiệt, lấy tro được cơ giới hóa và tự động hóa hoàn toàn.

d. Khí thải từ quá trình sấy sợi

Trong công đoạn sấy sợi, khí nóng được cho vào thiết bị sấy để làm khô sợi đến ẩm độ 8 – 12%. Dòng khí ra khỏi thiết bị sấy sợi mang theo bụi, hơi nước.

e. Khí thải từ máy phát điện dự phòng

Để ổn định điện cho hoạt động của Nhà máy trong trường hợp mạng lưới điện có sự cố,

Công ty có sử dụng 3 máy phát điện Diesel dự phòng với công suất 200KVA, 560KVA, và 1250 KVA phục vụ cho khu vực văn phòng.

(2) Tác động do nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của 250 cán bộ, công nhân làm trong nhà máy. Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành ổn định là 17,5 m^3/ngày.

Lượng nước thải sinh hoạt tính bằng 100% lượng nước cấp theo QCVN 01:2008/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng.

b. Nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của dự án

(3) Tác động do chất thải rắn và chất thải nguy hại

a. Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn của nhà bếp:

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định thì có khoảng 250 người làm việc tại nhà máy. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn của nhà bếp phát sinh trung bình vào khoảng 0,8 kg/người/ngày (theo QCVN 01:2008/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng). Do đó, tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn của nhà bếp phát sinh khoảng 200 kg/ngày.

b. Chất thải rắn sản xuất

Trong quá trình sản xuất của nhà máy phát sinh các loại chất thải rắn có thể tận dụng làm nhiên liệu đốt gồm:

- Vỏ cây
- Bụi gỗ, mạt cưa, dăm gỗ rơi vãi
- Gỗ vụn
- Bụi, rìa tấm do cắt thành phẩm
- Bột chà nhám

c. Chất thải nguy hại

Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành của nhà máy chủ yếu là hộp mực in thải, giẻ lau dính thành phần nguy hại, dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang thải,…

(4) Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải

a. Tác động đến kinh tế xã hội

Đối với kinh tế - xã hội, giai đoạn vận hành của Dự án lại các lợi ích tích cực sau:

- Góp phần giải quyết công ăn việc làm cho địa phương
- Tăng sức mua và năng lực cung cấp của địa phương

Tuy nhiên, đối với kinh tế xã hội của khu vực, giai đoạn vận hành của Dự án cũng mang

lại các tác động tiêu cực từ sự tập trung đông của công nhân nhà máy bao gồm:

- Những thành phần bất hảo có thể đến, tạo nên các tệ nạn xã hội, gây mất trật tự an ninh, làm xáo trộn đời sống xã hội địa phương
- Công nhân nhà máy có thể mâu thuẫn với người dân địa phương gây mất trật tự an ninh khu vực.
- Tăng mật độ xe trên các tuyến đường giao thông

Các biện pháp quản lý nhằm giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội được trình này trong chương 4.

b. Tiếng ồn

Trong quá trình hoạt động sản xuất việc phát sinh tiếng ồn là không thể tránh khỏi. Tiếng ồn phát sinh do các nguồn chính như:

- Từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy: đây là nguồn không liên tục, thông thường thời điểm phát sinh tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển khi nhà máy nhập, xuất hàng tập trung.
- Từ các máy móc, thiết bị, đặc biệt là từ quá trình bóc vỏ, băm dăm, cắt,. Các nguồn này thường mang tính cục bộ, ảnh hưởng đến lao động vận hành trực tiếp.

c. Nhiệt thừa trong khu vực sản xuất

Tác động của nhiệt độ cao trong môi trường lao động sẽ gây những tác hại nhất định đến sức khỏe của người lao động. Đặc biệt đối với nước ta là nước nhiệt đới, người lao động làm việc trong môi trường nhiệt độ cao dễ xảy ra những tai biến: say nóng, mất nước, mất muối, mệt mỏi,…

1.7. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án

1.7.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án, Công ty Cổ Phần FSC Việt Nam sẽ thực hiện các biện pháp dưới đây:

- Khi tiến hành lập thủ tục mời thầu, Công ty sẽ yêu cầu các nhà thầu cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường được mô tả trong các mục dưới đây;
- Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các yêu cầu an toàn lao động theo các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.

1.7.2. Biện pháp giảm thiểu tác động liên quan đến chất thải

(1) Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải

a. Biện pháp giảm thiểu tác động từ bụi do quá trình thi công, xây dựng

Để giảm thiểu tác động bụi phát sinh do hoạt động thi công, Công ty Cổ Phần FSC Việt Nam sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Lập kế hoạch tiến độ thi công và bố trí nhân lực hợp lý, tuần tự, tránh chồng chéo giữa các công đoạn thi công nhằm giảm thiểu tối đa thời gian thi công và giảm thiểu tác

động môi trường;

- Phủ tấm bạt thùng xe vận tải chuyên chở vật liệu nhằm tránh rơi vãi xi măng, cát, gạch, đá ra đường. Tất cả các phương tiện vận chuyển vật liệu san nền đều phủ tấm bạc bên trên như là một điều kiện bắt buộc trong lựa chọn nhà thầu;
- Thành lập tổ vệ sinh, dọn vệ sinh hàng ngày tại công trường, đặc biệt là lối ra vào công trường để hạn chế chất thải rắn và các vật liệu xây dựng rơi vãi trên công trường, dính vào bánh xe khi gặp gió cuốn gây nên bụi;
- Bố trí khu vực tập kết nguyên vật liệu, kho dự trữ nhiên liệu tại vị trí hợp lý, thuận tiện cho việc thi công, di chuyển, đảm bảo an toàn PCCC và tránh rò rỉ.
- Có kế hoạch nhập nguyên vật liệu xây dựng hợp lý. Hạn chế việc tập kết vật tư tập trung vào cùng một thời điểm, tránh tồn động làm phát tán bụi theo gió.
- Tiến hành san ủi vật liệu ngay sau khi được tập kết xuống để giảm sự khuếch tán vật liệu san nền do tác dụng của gió.
- Che phủ nguồn phát sinh bụi cao.
- Đối với trạm trộn bê tông cần có biện pháp giảm thiểu cụ thể:

  + Toàn bộ hệ thống băng chuyền chuyển cát, đá sẽ được che chắn bằng bạt phủ kín băng tải nhằm hạn chế tối đa lượng bụi phát tán ra ngoài trong quá trình chuyển cốt liệu lên bồn trộn

  + Quá trình trộn bê tông được thực hiện trong bồn trộn được thiết kế dạng kín để hạn chế tối đa lượng bụi phát sinh trong quá trình trộn.

- Trong những ngày nắng, cần thường xuyên phun nước, hạn chế một phần bụi đất cát có thể theo gió phát tán vào không khí để hạn chế mức độ ô nhiễm bụi tại khu vực công trường xây dựng.
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết: quần áo bảo hộ lao động, ủng, khẩu trang,… cho người lao động tại công trường.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động từ bụi và khí thải do các phương tiện vận chuyển

Để giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, Công ty Cổ Phần FSC Việt Nam thực hiện các biện pháp sau:

- Tất cả các phương tiện vận chuyển phục vụ cho dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường;
- Tất cả các máy móc, thiết bị và phương tiện vận chuyển được bảo dưỡng thường xuyên để giảm thiểu sự phát sinh bụi và khí thải;
- Bố trí tuyến vận chuyển và thời gian vận chuyển hợp lý. Hạn chế vận chuyển trên các tuyến thường xuyên tắc nghẽn giao thông đặc biệt trong các giờ cao điểm;
- Các xe vận chuyển vật liệu xây dựng không chở quá 90% thể tích của thùng xe và được bao phủ kín khi vận chuyển, đảm bảo không để tình trạng rơi vãi trên đường vận chuyển. Khi xảy ra hiện tượng rơi vãi, sẽ cho thu dọn đoạn đường ngay trong ngày.
- Trước khi ra khỏi công trường, các xe vận tải vận chuyển nguyên vật liệu được vệ

sinh sạch sẽ để tránh bùn đất cuốn theo bánh xe ra đường giao thông.

- Đây là các nguồn thải động nên rất khó quản lý. Chỉ có thể giảm bớt các tác động bằng cách yêu cầu các phương tiện vận chuyển gây tác động nhiều chạy vào ban đêm.

(2) Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn

Để giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn, các biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

- Tăng cường vệ sinh công trường, che phủ các bãi vật liệu, bãi thải, các thùng chứa nhiên liệu, xăng dầu tránh không cho rò rỉ theo nước mưa, xuống các tầng nước dưới đất hay đổ ra cống thoát nước mưa KCN;
- Hạn chế thi công vào những ngày mưa;
- Tổ chức thi công theo hình thức cuốn chiếu từng vị trí công trình và trả lại mặt bằng ngay khi thi công hoàn thành nhằm hạn chế nước mặt chảy tràn cuốn theo đất cát, chất thải trên bề mặt xây dựng làm ô nhiễm đất;
- Gắn bẫy cát dạng lưới tại cuối đường mương dẫn nước mưa tạm thời trong giai đoạn thi công để giữ lại cát, đất, chỉ có nước mưa thoát xuống hệ thống thoát nước mưa của KCN. Bẫy cát sẽ được kiểm tra thường xuyên để đảm bảo lá cây không làm nghẹt mương để tránh nước tràn ra ngoài mương;
- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải hay cát xây dựng xâm nhập vào cống thoát nước gây tắc nghẽn;
- Không để rơi vãi nhiên liệu, dầu nhớt, phụ gia xây dựng và hoá chất ra môi trường xung quanh để tránh làm ô nhiễm nước mưa chảy tràn;
- Thu gom chất thải rắn trong thi công và chuyển về vị trí đổ thải quy định dưới sự giám sát của tư vấn giám sát để không gây ô nhiễm;
- Dọn dẹp sạch sẽ, gọn gàng mặt bằng thi công đảm bảo thoát nước mặt, tránh gây ứ đọng nước.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt

Để giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, Công ty Cổ Phần FSC Việt Nam sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Ưu tiên xây dựng bể tự hoại 5 ngăn đủ đáp ứng yêu cầu xử lý nước thải nhà vệ sinh cho lượng công nhân xây dựng và cho giai đoạn vận hành của dự án (cho 250 nhân viên)
- Yêu cầu công nhân xây dựng sinh hoạt vệ sinh tại nhà vệ sinh để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt;
- Trong thời gian xây dựng bể tự hoại 5 ngăn, Công ty sẽ lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động 3 buồng. Mỗi nhà vệ sinh có dung tích chứa chất thải 1.000L để xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng, sử dụng cho đến khi xây dựng xong nhà vệ sinh và bể tự hoại 5 ngăn.

(3) Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn và chất thải nguy hại

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt

Để giảm thiểu tác động do chất thải sinh hoạt, Công ty Cổ Phần FSC Việt Nam sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án được thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa thích hợp trong dự án;
- Công ty sẽ bố trí 01 thùng rác chuyên dụng có dung tích 240L để chứa toàn bộ rác sinh hoạt của công nhân trong suốt quá trình xây dựng và lắp đặt thiết bị máy móc.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đem đi xử lý theo các quy định hiện hành.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng, Công ty Cổ Phần FSC Việt Nam sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh;
- Tận dụng san nền tại chỗ đối với đất, đá, gạch,…
- Thu hồi phế liệu bán cho các đơn vị thu mua;
- Công ty sẽ bố trí khu vực chứa chất thải rắn xây dựng riêng biệt trong thời gian chờ đơn vị có chức năng đến thu gom;
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đem đi xử lý theo các quy định hiện hành đối với lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng và thu hồi.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động chất thải nguy hại

Để giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại, Công ty Cổ Phần FSC Việt Nam sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Giảm thiểu tối đa việc sửa chữa xe, máy móc công trình tại dự án. Các phương tiện vận chuyển được bảo trì tại garage;
- Đăng ký chủ nguồn thải CTNH theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT với Sở Tài nguyên và môi trường;
- Phân loại, lưu trữ chất thải nguy hại trong các thùng chứa CTNH chuyên dụng có dung tích 120L và 240L. Các thùng chứa CTNH được đặt tại khu vực tập kết chất thải nguy hại có mái che để lưu trữ trong thời gian chờ đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT;
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại để xử lý tuân thủ theo các quy định hiện hành.

1.7.3. Biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải

(1) Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế xã hội

Để giảm thiểu tác động đến kinh tế xã hội do tình trạng tập trung đông công nhân, Công ty Cổ Phần FSC Việt Nam sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Ưu tiên sử dụng lực lượng lao động tại địa phương khi có đầy đủ các điều kiện yêu cầu;
- Thường xuyên giám sát quá trình xây dựng của công nhân để có hướng giải quyết thích hợp khi xảy ra mâu thuẫn;
- Kết hợp với chính quyền địa phương để quản lý các công nhân nhập cư tham gia xây dựng dự án.

(2) Biện pháp giảm thiểu tác động từ tiếng ồn do phương tiện thi công

Để giảm thiểu tiếng ồn từ phương tiện thi công, Công ty Cổ Phần FSC Việt Nam thực hiện các biện pháp sau:

- Lắp đặt hàng rào xung quanh khu vực thi công, cách ly với ngoài khu vực dự án;
- Lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị máy móc có mức ồn cao như máy phát điện, hệ thống nén khí,…;
- Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ dự án phải đạt tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường;
- Không sử dụng loa phát thanh có dung lượng lớn tại công trường;
- Không thi công vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

1.7.4. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn vận hành

1.7.4.1. Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải (1)Biện pháp giảm thiểu tác động từ bụi, khí thải

a. Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông:

Để giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất và sản phẩm ra vào nhà máy, Công ty Cổ Phần FSC Việt Nam sẽ thực hiện các biện pháp sau:

❖ Biện pháp quản lý:

- Đối với xe chở hàng của nhà máy, người phụ trách lái xe phải được học đầy đủ các luật về giao thông và các quy định về vận chuyển. Lái xe được giao trách nhiệm chăm sóc và quản lý xe cụ thể;
- Đối với các phương tiện là xe máy ra vào nhà máy phải tắt máy, dắt bộ;
- Khi ký hợp đồng vận chuyển yêu cầu các chủ xe phải đảm bảo về tình trạng kỹ thuật của xe, trình độ lái xe, chấp hành các quy định về môi trường cũng như các quy định khác về vận chuyển hàng hóa và giao thông;
- Bố trí bãi đậu xe hợp lý trong khuôn viên nhà máy;
- Bê tông hóa toàn bộ đường giao thông nội bộ trong khu vực cơ sở. Lối xe ra vào được phân luồng quy định nhằm tránh tình trạng ùn tắc xe;
- Vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên;
- Phun nước sân bãi giảm bụi và hơi nóng do khả năng hấp thụ nhiệt của bê tông gây ra.

nhất là vào mùa nắng;

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy nhằm hạn chế phát tán bụi và khí thải ra môi trường, đồng thời tạo cảnh quan và điều hòa vi khí hậu khu vực nhà máy.

❖ Biện pháp kỹ thuật:

- Xe của nhà máy được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng đúng kỹ thuật, đảm bảo các thông số khói thải của xe đạt yêu cầu quy định về môi trường;
- Xe chở đúng tải trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về giao thông như chằng, neo đảm bảo an toàn, thời gian lưu thông, phủ bạt chống bụi, không bóp còi nơi cần yên tĩnh.

1.7.5. Biện pháp giảm thiểu cháy nổ

Để đảm bảo an toàn trong phòng chống cháy nổ, các biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

- Tuân thủ các qui định về luật phòng cháy chữa cháy và các qui định hiện hành của tỉnh Bình Phước;
- Kiểm tra về các trang thiết bị và năng lực của nhà thầu thi công kèm theo phương án phòng cháy chữa cháy của nhà thầu;
- Tập huấn phòng chống cháy nổ cho công nhân xây dựng trước khi bắt đầu thi công các hạng mục công trình của dự án;
- Yêu cầu công nhân thi công tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng chống cháy nổ;
- Kiểm tra nguồn điện chạy qua khu vực thi công đảm bảo không xảy ra va đập gây chập, cháy nổ điện;
- Bố trí máy móc, thiết bị, thứ tự kho bãi, nguyên vật liệu một cách thích hợp, đặc biệt không chứa nhiên liệu gần khu vực gia nhiệt;
- Bố trí các thiết bị phòng chống cháy nổ cần thiết: bình phun bọt, bố trí nguồn nước dự phòng, cát khi xảy ra sự cố cháy…;
- Cấm/hạn chế tối đa mang vật dụng dễ cháy nổ vào công trình. Trường hợp mang các vật dụng này phải được sự đồng ý của ban quản lý dự án và có biện pháp đảm bảo an toàn trong phòng chống cháy nổ;
- Các nhà thầu thi công xây dựng phải giải trình phương án phòng cháy chữa cháy và được cơ quan chức năng chấp thuận;
- Kịp thời tổ chức phòng chống cháy nổ tại chỗ đồng thời thông báo cho ban quản lý dự án để được hỗ trợ.

1.8. Tham vấn ý kiến cộng đồng

Khu công nghiệp Nam Đồng Phú đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quyết định:

- Quyết định số 2292/QĐ – UBND ngày 07/11/2007KCN của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án " Đầu tư xây

- dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Nam Đồng Phú – Công ty CP Đầu tư kinh doanh hạ tầng và Bất động sản Đồng Phú"
- Quyết định số 1209/QĐ – UBND ngày 12/06/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động mội trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Nam Đồng Phú, diện tích 69,4293 ha tại xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất ván nhân tạo, công suất 400.000 m^3/năm, tương đương 33.330.000 m^2/năm (Trong đó sản xuất Formaline 50% và keo ure formal dehyd hàm lượng rắn 60% để phục vụ sản xuất ván nhân tạo với công suất lần lượt là 15.029 tấn/năm và 30.546 tấn/năm" do Công ty Cổ Phần FSC Việt Nam làm chủ đầu tư nằm trong Khu công nghiệp Nam Đồng Phú.

Dự án phù hợp quy hoạch của KCN Nam Đồng Phú nên theo Điểm a, Khoản 3, Điều 21 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Dự án không phải thực hiện tham vấn cộng đồng.